

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**
CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 4. Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. Biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Điều 4. Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. <i>Biểu mẫu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</i> Biểu mẫu sử dụng trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.	Bổ sung đoạn “ <i>Biểu mẫu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động kiểm toán nhà nước và đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng được thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</i> ” để bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật XLVPHC); bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù trong hoạt động kiểm toán nhà nước và hoạt động của Tòa án nhân dân đã được Luật giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.
Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau: a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đề điều; báo chí;	Điều 6. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính 1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau: a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đề điều; báo chí; xuất bản;	1. Bổ sung quy định thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực “ <i>giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</i> ” (02 năm) theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và thời điểm tính thời hiệu trong trường hợp xử phạt do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến tại điểm c khoản 1. Lý do: Theo quy định tại Điều 6 Luật XLVPHC hiện hành, thời hiệu xử lý vi phạm hành chính trong hầu hết các lĩnh vực chỉ là 01

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm. Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập; b)... c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. 2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau: d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này;	sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước; <i>giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</i> thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm. Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập; b)... <i>c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt nhận được hồ sơ vi phạm, nhưng không quá 03 năm, kể từ thời điểm kết thúc hành vi vi phạm hoặc thời điểm phát hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản này.</i> 2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau: d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân <i>thực hiện hành vi</i> vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này;	năm (một số lĩnh vực là 02 năm), tính từ thời điểm kết thúc hành vi vi phạm hoặc thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, đồng thời, thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, hiện nay, đối với một số vụ việc phức tạp, khi cơ quan tiến hành tố tụng chuyển hồ sơ đến để xử phạt vi phạm hành chính đã vượt quá thời hạn nêu trên, dẫn đến không thể xử lý hành vi vi phạm. Do vậy, theo ý kiến của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, cần thiết phải sửa đổi quy định về thời hiệu trong trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo hướng, quy định thời hiệu cụ thể là 06 tháng kể từ ngày cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt nhận được hồ sơ vụ vi phạm, đồng thời, giới hạn tối đa không quá 03 năm, kể từ thời điểm kết thúc hành vi vi phạm hoặc thời điểm phát hiện hành vi vi phạm. 3. Thay thế cụm từ “<i>thực hiện lần cuối hành vi vi phạm</i>” thành “<i>thực hiện hành vi</i>” tại điểm d khoản 2 để bảo đảm phù hợp với Luật Phòng, chống ma túy. Theo Luật Phòng, chống ma túy, người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện 1 trong các hành vi theo quy định tại Điều 32 Luật này thì sẽ là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, không phụ thuộc vào số lần thực hiện hành vi.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	Điều 18a. Ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý vi phạm hành chính <i>Việc xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về giao dịch điện tử trong trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử lý, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.</i>	Bổ sung Điều 18a nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, qua đó, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và người thực thi công tác xử phạt, đồng thời, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời, đẩy mạnh chủ trương thực hiện phân cấp, phân quyền, qua đó, phát huy vai trò thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chính phủ.
Điều 21. Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng 1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính); đ) Trục xuất. 	Điều 21. Nguyên tắc quy định các hình thức xử phạt 1. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính bao gồm: a) Cảnh cáo; b) Phạt tiền; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính); đ) Trục xuất. 	Bổ sung cụm từ “<i>Nguyên tắc quy định</i>” và bổ cụm từ “<i>nguyên tắc áp dụng</i>” tại tên của Điều 21 nhằm bảo đảm thống nhất giữa nội dung và tên gọi của Điều 21.
Điều 23. Phạt tiền 1. Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	Điều 23. Phạt tiền 1. Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với	Bổ sung cụm từ “<i>địa bàn thành phố Hà Nội và</i>” vào trước cụm từ “<i>khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương</i>”; bổ sung

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này. Đối với khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội.	cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này. Đối với địa bàn thành phố Hà Nội và khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương thì mức phạt tiền có thể cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức phạt chung áp dụng đối với cùng hành vi vi phạm trong các lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội; <i>văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm.</i>	cụm từ “<i>văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm</i>” vào sau cụm từ “<i>an ninh trật tự, an toàn xã hội</i>” để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 33 Luật Thủ đô và khoản 1 Điều 52 dự thảo Luật.
Điều 24. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực 1. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cá nhân được quy định như sau: a) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại; b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng: an ninh trật tự, an toàn xã hội; cản trở hoạt động tổ tụng; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao dịch điện tử; bưu chính; c) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng: phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; hỗ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng, chống thiên tai;	Điều 24. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực 1. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đối với cá nhân được quy định như sau: a) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại; <i>giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;</i> b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng: an ninh trật tự, an toàn xã hội; cản trở hoạt động tổ tụng; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao dịch điện tử; bưu chính; c) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng: phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; hỗ trợ tư pháp; y tế dự phòng; phòng, chống HIV/AIDS; văn hóa; thể thao; du lịch; quản lý khoa học, công nghệ; chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bảo trợ, cứu trợ xã hội; phòng, chống thiên tai; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn	1. Bổ sung quy định về mức phạt tiền tối đa trong một số lĩnh vực như: Giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (phạt tiền đến 30.000.000 đồng); dữ liệu; công nghiệp công nghệ số (phạt tiền đến 100.000.000 đồng); quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (phạt tiền đến 500.000.000 đồng) theo đề xuất, theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ban Nội chính Trung ương liên quan đến việc xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đáp ứng yêu cầu cấp thiết trong quản lý nhà nước, bảo đảm sự thống nhất với quy định tại các Luật có liên quan về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; an toàn, an ninh mạng và bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế – xã hội hiện nay. 2. Tại khoản 3, bổ sung lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân vào danh mục các lĩnh vực được

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
bảo vệ và kiểm dịch thực vật; quản lý và bảo tồn nguồn gen (trừ nguồn gen giống vật nuôi); trồng trọt (trừ phân bón); thú y; kê toán; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đăng ký doanh nghiệp; d) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng: cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; giáo dục; giáo dục nghề nghiệp; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; phòng, chống tệ nạn xã hội; đ) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng: đề điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực; e) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng: quản lý giá; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư; g) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng: sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;	nguồn gen (trừ nguồn gen giống vật nuôi); trồng trọt (trừ phân bón); thú y; kê toán; phí, lệ phí; quản lý tài sản công; hóa đơn; dự trữ quốc gia; hóa chất; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đăng ký doanh nghiệp; d) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng: cơ yếu; quản lý và bảo vệ biên giới quốc gia; quốc phòng, an ninh quốc gia; lao động; giáo dục; giáo dục nghề nghiệp; giao thông đường bộ; giao thông đường sắt; giao thông đường thủy nội địa; bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm thất nghiệp; phòng, chống tệ nạn xã hội; đ) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng: đề điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; dữ liệu; công nghiệp công nghệ số; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực; e) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng: quản lý giá; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở; đấu thầu; đầu tư; g) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng: sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;	áp dụng mức phạt tiền tối đa theo quy định tại các luật tương ứng. Lý do: Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì xây dựng dự thảo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, theo đó, dự thảo Luật này dự kiến quy định mức phạt tiền tối đa về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc bổ sung lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân tại khoản 3 nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Luật này và luật chuyên ngành.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
h) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng: điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thủy lợi; sở hữu trí tuệ; báo chí; i) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng: xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; kinh doanh bất động sản; k) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; thủy sản. ... 3. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; cạnh tranh, kiểm toán độc lập theo quy định tại các luật tương ứng.	h) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng: điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; thủy lợi; sở hữu trí tuệ; báo chí; i) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng: xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; kinh doanh bất động sản; k) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; thủy sản. ... 3. Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực thuế; đo lường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chứng khoán; cạnh tranh, kiểm toán độc lập, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định tại các luật tương ứng.	
	Điều 37a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính <i>1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật này bao gồm:</i> <i>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;</i> <i>b) Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực; Chánh Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ,</i>	1. Bổ sung khoản 1 theo hướng quy định những chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên, không liệt kê tên các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền phạt tiền, áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như trước đây; bổ sung khoản 2 và khoản 3 theo hướng Quốc hội giao Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết các chức danh; thẩm quyền phạt tiền, áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>cơ quan ngang Bộ, trừ trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ có các chức danh quy định tại điểm e khoản này;</i> <i>c) Thủ trưởng Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng Chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</i> <i>d) Thanh tra viên, Trưởng đoàn Thanh tra trong thời hạn thanh tra;</i> <i>đ) Thủ trưởng cơ quan Thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</i> <i>e) Thủ trưởng cơ quan Thanh tra Cơ yếu; Thủ trưởng cơ quan Thanh tra theo điều ước quốc tế;</i> <i>g) Trưởng đoàn kiểm tra trong thời hạn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra;</i> <i>h) Người có thẩm quyền thuộc các cơ quan, lực lượng: Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Thuế; Quản lý thị trường; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư; Thi hành án dân sự;</i> <i>i) Giám đốc, Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng không; Giám đốc Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực; Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực;</i> <i>k) Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Trưởng Ban cơ yếu Chính phủ; người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan</i>	phục hậu quả của từng chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Lý do: Để kịp thời điều chỉnh bảo đảm phù hợp với sự thay đổi khi sắp xếp tổ chức bộ máy, chuyển giao nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và một số hệ thống cơ quan, đơn vị đang có lực lượng lớn thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đều tổ chức lại (như Công an, Thanh tra, Quản lý thị trường...), việc quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của từng chức danh tại Luật đã không còn phù hợp. Cách quy định như tại Điều 37a dự thảo Luật vừa bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với tình hình mới, vừa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó, cách quy định như trên cũng phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, góp phần tăng tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện và phù hợp với đặc thù của từng ngành, từng cấp, từng địa phương. Mặt khác, luật quy định khung, nguyên tắc chung sẽ giúp giữ được tính ổn định, lâu dài của luật, hạn chế tình trạng phải thường xuyên sửa đổi luật khi có thay đổi trong thực tiễn. Việc giao Chính phủ và chính quyền địa phương quy định chi tiết cũng tạo điều kiện thích ứng nhanh với các biến động của đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Ngoài ra, cơ chế này còn phát huy vai trò thống nhất điều hành của Chính phủ.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;</i> <i>l) Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, trừ trường pháp luật cạnh tranh có quy định khác về thẩm quyền xử phạt đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh;</i> <i>m) Thẩm phán, Chánh án Tòa án nhân dân các cấp; Thẩm phán, Chánh án Tòa án quân sự;</i> <i>n) Trưởng đoàn kiểm toán trong thời hạn thực hiện kiểm toán, Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước.</i> <i>2. Căn cứ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều này, Chính phủ quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh.</i> <i>3. Căn cứ quy định tại điểm m và điểm n khoản 1 Điều này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh.</i> <i>4. Trường hợp thành lập mới các cơ quan, lực lượng chưa được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều này, mà không do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh thuộc các cơ quan, lực lượng được thành lập mới do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của</i>	2. Bổ sung khoản 4 quy định trường hợp thành lập cơ quan mới chưa được quy định tại Điều 37a không do tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, chia tách thì thẩm quyền xử phạt của chức danh thuộc các cơ quan đó do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng thời, quy định Chính phủ có trách nhiệm báo cáo việc này với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Lý do: Vừa bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ trong việc quyết định, quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền, vừa tạo cơ chế linh hoạt trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh, tránh các khoảng trống pháp lý trong trường hợp phát sinh các cơ quan, chức danh mới chưa được quy định tại Luật.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</i>	
Các điều 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43a, 44, 45, 45a, 46, 47, 48, 48a, 49 và 51 quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư, cơ quan Thuế, Quản lý thị trường, Ủy ban cạnh tranh Quốc gia, Thanh tra, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa, Tòa án nhân dân, Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.		Dự thảo Luật bãi bỏ 16 điều trên để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 37a dự thảo Luật.
Điều 52. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các điều từ 38 đến 51 của Luật này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân và được xác định theo tỉ lệ phần trăm quy định tại Luật này đối với chức danh đó. Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành thuộc các lĩnh vực quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 23 của Luật này, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính	Điều 52. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một chức danh là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân. Đối với địa bàn thành phố Hà Nội và khu vực nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này, các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các	1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 để bảo đảm phù hợp với việc bãi bỏ các điều từ 38 đến 51 của Luật hiện hành tại dự thảo Luật, phù hợp, thống nhất với Điều 33 Luật Thủ đô. 2. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 về kỹ thuật viện dẫn liên quan đến nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 37a dự thảo Luật; sửa đổi, bổ sung thuật ngữ “hành vi vi phạm hành chính” nhằm thống nhất với thuật ngữ được sử dụng trong dự thảo Luật.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương quy định áp dụng trong nội thành. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các điều từ 39 đến 51 của Luật này có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.	hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương quy định. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định <i>tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 1 Điều 37a của Luật này</i> có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý. Trong trường hợp <i>hành vi</i> vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.	
Điều 53. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 1. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật này có sự thay đổi về tên gọi nhưng không có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó được giữ nguyên. 2. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn thì thẩm quyền xử phạt của chức danh đó do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	Điều 53. Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 1. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính <i>theo quy định của Chính phủ</i> sự thay đổi về tên gọi nhưng không thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn, thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chức danh đó được giữ nguyên. 2. Trường hợp chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ có sự thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, thì thẩm quyền xử phạt được tiếp tục thực hiện bởi chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ,	1. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 để bảo đảm phù hợp với việc quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Nghị định của Chính phủ. 2. Sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 liên quan đến nguyên tắc xác định các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong trường hợp các chức danh đang có thẩm quyền xử phạt có sự thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn do tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, chia tách... Trong trường hợp này, cho phép thẩm quyền xử phạt được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó tương ứng với từng lĩnh vực quản lý nhà nước thay vì quy

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>quyền hạn đó tương ứng với từng lĩnh vực quản lý nhà nước.</i>	định phải xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội như hiện hành. Lý do: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng nêu trên xuất phát từ thực tiễn thực hiện việc xử lý chuyển tiếp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh khi sắp xếp tổ chức bộ máy trong thời gian qua và giai đoạn sắp tới. Quy định này cũng bảo đảm phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc bảo đảm duy trì, không làm gián đoạn hoạt động XLVPHC tại Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.
Điều 54. Giao quyền xử phạt 1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 39; các khoản 2, 2a, 3, 3a và 4 Điều 40; các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 41; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 42; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 43; các khoản 2, 3 và 4 Điều 43a; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 44; các khoản 2, 3 và 4 Điều 45; Điều 45a; các khoản 2, 3 và 4 Điều 46; Điều 47; khoản 3 và khoản 4 Điều 48; khoản 2 Điều 48a; các khoản 2, 4 và 5 Điều 49; Điều 51 của Luật này có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.	Điều 54. Giao quyền xử phạt 1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính <i>là cấp trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị được quy định tại Điều 37a của Luật này</i> có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 để bảo đảm phù hợp với việc bãi bỏ các điều từ 38 đến 51 của Luật hiện hành tại dự thảo Luật.
Điều 56. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản 1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá	Điều 56. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản <i>1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng đối với các trường hợp sau:</i>	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng tăng mức tối đa của khung tiền phạt làm cơ sở thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (tăng mức tối đa của khung tiền phạt lên 1.000.000 đồng đối với cá nhân; và

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản. 2. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.	a) Hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt cảnh cáo hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức; b) Hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật này. 2. Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản. 3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.	2.000.000 đồng đối với tổ chức) nhằm góp phần đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi hơn cho cả đối tượng vi phạm và người có thẩm quyền xử phạt trên cơ sở bảo đảm phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hiện nay so với trước đây Đồng thời, khoản 1 quy định rõ trường hợp hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật XLVPHC thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong nội tại Luật XLVPHC. 2. Bãi bỏ quy định tại khoản 2 về các nội dung phải có trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Lý do: Các nội dung này sẽ được quy định tại nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
Điều 57. Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính 1. Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 56 của Luật này.	Điều 57. Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính 1. Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.	Bổ cụm từ “đoạn 1” tại khoản 1 nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC (dự kiến sửa, đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật).
Điều 58. Lập biên bản vi phạm hành chính 1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử	Điều 58. Lập biên bản vi phạm hành chính 1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt không	1. Tại khoản 1, sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa. Đồng thời,

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
phạt không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này. Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga. 3. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây: a) Thời gian, địa điểm lập biên bản; b) Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; c) Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm; d) Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại; đ) Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính; e) Quyền và thời hạn giải trình. 4. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều này. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm	lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật này. Vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa, thì người có thẩm quyền hoặc chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga. 3. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau đây: a) Thời gian, địa điểm lập biên bản; b) Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; Trường hợp không xác định được chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, thì ghi rõ không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm; c) Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm; d) Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại; đ) Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính; e) Quyền và thời hạn giải trình. 4. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký.	mở rộng thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa cho tất cả người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý của mình, thay vì chỉ quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu như trước đây. Lý do: Hành vi vi phạm xảy ra không chỉ trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa mà còn trên một số phương tiện khác hoặc xảy ra ở ngoài đất liền. Do đó, nội dung được sửa đổi như tại dự thảo Luật góp phần bảo đảm quy định được bao quát, đầy đủ và toàn diện. Bên cạnh đó, việc mở rộng thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại dự thảo sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập và chuyển biên bản vi phạm hành chính trên thực tế. 2. Tại điểm b khoản 3, sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cách thức lập biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính. Lý do: Trên thực tế, có nhiều vụ việc, hành vi vi phạm hành chính không xác định được đối tượng vi phạm. Theo quy định, trong trường hợp này, người có thẩm quyền vẫn phải lập biên bản vi phạm hành chính làm để cơ sở ban hành các quyết định quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC. Thông thường, trong biên bản phải thể hiện rõ thông tin cá nhân, tổ chức vi phạm. Đối với trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm, người có thẩm quyền

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. 5. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.	Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản. <i>Trường hợp lập biên bản điện tử mà người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc không xác định được chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, thì biên bản phải được người có thẩm quyền lập biên bản ký số và kèm theo dữ liệu chứng minh hành vi vi phạm.</i> 5. Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển <i>kịp thời</i> cho người có thẩm quyền xử phạt, <i>trừ trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa hoặc tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa quy định tại khoản 1 Điều này.</i>	không thể ghi thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm. Do đó, việc bổ sung nội dung này nhằm bảo đảm quy định pháp luật được minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi cho người có thẩm quyền trong việc lập biên bản. 3. Tại khoản 4, sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cách thức lập biên bản vi phạm hành chính trên môi trường điện tử trong trường hợp đối tượng vi phạm không có mặt vì lý do khách quan hoặc không xác định được đối tượng vi phạm. Lý do: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, qua đó, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và người thực thi công tác xử phạt, đồng thời, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. 4. Tại khoản 5, sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định phải chuyển kịp thời biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thay vì quy định cứng “24 giờ” như trước đây nhằm bảo đảm tính khả thi trong việc chuyển biên bản và các tài liệu khác trong xử phạt vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu các trường hợp đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, khiếu nại, khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính 1. Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây: a) Có hay không có vi phạm hành chính; b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính; c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra; đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này; e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt. Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định. 2. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.	Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính 1. Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người có thẩm quyền xử phạt đối với vụ việc có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây: a) Có hay không có vi phạm hành chính; b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính; c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; d) Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra; đ) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật này; e) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt. Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định. 2. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm phải được thể hiện bằng văn bản. 3. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này tự mình hoặc tổ chức, phân công người thực hiện xác minh. Trường hợp tổ chức, phân công người khác thực hiện xác minh, thì người có thẩm quyền vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh.	Bổ sung cụm từ “người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc” tại khoản 1 và bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 nhằm mở rộng thẩm quyền xác minh tình tiết của vụ việc. Theo đó, việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính không chỉ được thực hiện bởi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà còn được thực hiện bởi người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Đồng thời, quy định cơ chế phân công, tổ chức thực hiện xác minh tình tiết vụ việc và người tổ chức, phân công vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh. Lý do: Nhiều bộ, ngành và địa phương phản ánh: Quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC hiện hành gây khó khăn, vướng mắc trong việc ủy quyền để xác minh tình tiết vi phạm. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân chỉ có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Tuy nhiên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân không thể ủy quyền lại và trong trường hợp giao quyền cũng không thể ủy quyền. Do đó, quy định sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 60. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt 3. Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên. Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả. Thủ tục, biên bản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 125 của Luật này.	Điều 60. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt 3. Trường hợp không thể áp dụng quy định tại khoản 2 Điều này <i>làm căn cứ xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt</i>, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên. <i>Thời hạn tạm giữ để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm không quá 05 ngày làm việc.</i> Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả.	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 theo hướng tăng thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định giá trị lên 05 ngày làm việc. Lý do: Nhiều bộ, ngành và địa phương phản ánh khó khăn, vướng mắc: Việc quy định thời hạn tạm giữ tang vật để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ (trong trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ) trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn vì thời gian tạm giữ ngắn, trong khi đó phải thành lập Hội đồng định giá, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị và phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính. Do đó, việc tăng thời hạn xác định giá trị tang vật, phương tiện nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên.
Điều 62. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự 1. Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm	Điều 62. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự 1. <i>Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm</i>, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền <i>đang giải quyết vụ việc</i> phải chuyển <i>hồ sơ, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có)</i>	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 từ “<i>khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính</i>” thành “<i>trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm</i>”; từ “<i>người có thẩm quyền xử phạt</i>” thành “<i>người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc</i>” và từ “<i>hồ sơ vụ vi phạm</i>” thành “<i>hồ sơ, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tang vật,</i>

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. 2. Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. 3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.	<i>liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm</i> cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. 2. Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i>, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. 3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn <i>05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định không khởi tố vụ án hình sự có hiệu lực</i>, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.	<i>phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm”.</i> <i>Lý do:</i> Quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC hiện hành còn có nhiều cách hiểu các nhau về thời điểm phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm là sau khi lập biên bản vi phạm hành chính hay trước khi lập biên bản vi phạm hành chính; phạm vi, nội dung cụ thể của hồ sơ cần chuyển khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Việc sửa đổi, bổ sung như trên nhằm xác định việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm được diễn ra trong suốt quá trình xử phạt vi phạm hành chính, làm rõ thành phần hồ sơ cần chuyển là các tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến hành vi có dấu hiệu tội phạm, tránh tình trạng chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc hành chính không cần thiết hoặc không liên quan. Sửa đổi này góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan xử phạt vi phạm hành chính và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, đồng thời, bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể và khả thi trong tổ chức thực hiện. 2. Tại khoản 2, tăng thời hạn chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trong trường hợp đang thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà phát hiện hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự từ 03 ngày lên 05 ngày làm việc nhằm tạo sự linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
		người trực tiếp thực hiện việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính. 3. Tại khoản 3, tăng thời hạn cơ quan tiến hành tố tụng trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt nhằm bảo đảm thống nhất về thời hạn chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC (dự kiến sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật).
Điều 63. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính 1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực. 2. Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của	Điều 63. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính 1. Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó <i>ban hành</i> một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền của cơ quan <i>đang thụ lý vụ án</i> phải <i>xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử phạt</i>, thì phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ <i>(bản sao y), giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tang vật, phương tiện vi phạm liên quan hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng</i> và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i>, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng quy định nguyên tắc người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sau khi ban hành các quyết định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC phải tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết. Đồng thời, quy định trường hợp không thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ (bản sao y), giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tang vật, phương tiện vi phạm liên quan hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng. Lý do: Nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm quy định rõ hơn, bảo đảm thực hiện thống nhất trình tự, thủ tục xử lý khi chuyển giao giữa quy trình xử phạt vi phạm hành chính và quy trình tố tụng hình sự. 2. Tăng thời hạn chuyển quyết định và các hồ sơ, tài liệu vụ việc nêu trên từ 03 ngày làm việc lên 05 ngày làm việc nhằm tạo sự linh hoạt, tạo

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này.		điều kiện thuận lợi cho người trực tiếp thực hiện chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính.
Điều 70. Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết. Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao. Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.	Điều 70. Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt, cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành. <i>Việc gửi quyết định xử phạt có thể thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây:</i> <i>a) Giao trực tiếp cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt;</i> <i>b) Gửi qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm;</i> <i>c) Gửi bằng phương thức điện tử;</i> <i>d) Trường hợp không thể thực hiện được các hình thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này, thì niêm yết công khai quyết định xử phạt tại nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc gửi quyết định xử phạt đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt để thực hiện niêm yết.</i> 2. <i>Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được coi là đã giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt nếu đã thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</i> <i>a) Giao trực tiếp quyết định nhưng cá nhân, tổ chức bị xử phạt không nhận. Người có thẩm</i>	1. Sửa đổi, bổ sung tại các khoản 1, 2 theo hướng quy định tăng thời hạn gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến đối tượng vi phạm, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành nhằm tạo cơ sở linh hoạt cho người trực tiếp làm công tác xử phạt vi phạm hành chính, phù hợp với thực tiễn; sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng hơn các hình thức gửi quyết định xử phạt đến đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính và các trường hợp quyết định xử phạt được coi là đã giao cho đối tượng bị xử phạt nhằm bao quát được các hình thức gửi quyết định xử phạt và các trường hợp được coi là quyết định xử phạt đã được giao. 2. Bổ sung khoản 3, quy định giao Chính phủ quy định chi tiết việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành nhằm đẩy mạnh chủ trương thực hiện phân cấp, phân quyền, qua đó, phát huy vai trò thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chính phủ.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương;</i> <i>b) Hết thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được quyết định đã được gửi qua dịch vụ bưu chính bằng hình thức bảo đảm đến lần thứ ba mà bị trả lại;</i> <i>c) Hết thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hệ thống ghi nhận việc gửi quyết định xử phạt bằng phương thức điện tử có xác thực thành công mà cá nhân, tổ chức không có phản hồi;</i> <i>d) Hết thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc niêm yết công khai quyết định tại nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức bị xử phạt theo quy định.</i> 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
Điều 71. Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành 1. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành. 2. Trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức vi	Điều 71. Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành 1. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính <i>trong phạm vi lãnh thổ hoặc trên biển mà người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc không ở địa bàn cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở và cá nhân, tổ chức đó</i> và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến <i>Ủy ban nhân dân nơi quản lý cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức</i> để tổ chức thi hành.	1. Thay thế cụm từ “ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác” bằng cụm từ “người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc không ở địa bàn cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở và cá nhân, tổ chức đó” tại khoản 1. Lý do: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 71 Luật XLVPHC (dự kiến sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 29 Điều 1 dự thảo Luật) về chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành theo hướng mở rộng hơn. Pháp luật hiện hành quy định 02 trường hợp người ra quyết định xử phạt được chuyển quyết định đến nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để thi hành, gồm: (i) cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để thi hành.	2. Trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến <i>Ủy ban nhân dân nơi quản lý cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức</i> để thi hành.	trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và (ii) vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác. Quy định chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành nhằm tạo thuận lợi hơn cho cả người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt và đối tượng bị xử phạt trong việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa bao quát được các trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên các khu vực khác không phải đất liền (như trên biển), trong khi trên thực tế, tại các khu vực đặc thù (như trên biển nhưng ngoài phạm vi lãnh thổ) thường rất khó xác định địa giới hành chính và việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp rất nhiều khó khăn (do khoảng cách địa lý giữa nơi mà người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trụ sở với nơi mà cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở rất xa; người có thẩm quyền không có đủ nguồn lực để tổ chức thi hành quyết định, ví dụ như cơ quan có thẩm quyền xử phạt ở Trung ương ra quyết định xử phạt nhưng đối tượng vi phạm cư trú/đóng trụ sở ở địa phương;...). Vì vậy, dự thảo Luật đã quy định trường hợp vi phạm hành chính “xảy ra trong phạm vi lãnh thổ hoặc trên biển mà người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc không ở địa bàn cấp tỉnh mà cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở” để mở rộng hơn các trường hợp được chuyển quyết định xử phạt vi

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
		phạm hành chính để thi hành, từ đó, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Mặt khác, góp phần thực hiện các khuyến nghị của EC về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi hành pháp luật trong việc phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU). 2. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân nơi quản lý cư trú của cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở của tổ chức” tại các khoản 1 và 2 để bảo đảm phù hợp với việc sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính, bao gồm việc tổ chức chính quyền địa phương, hệ thống Công an và cơ quan Thanh tra theo 02 cấp.
Điều 76. Hoàn thi hành quyết định phạt tiền 1. Việc hoàn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây: b) Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.	Điều 76. Hoàn thi hành quyết định phạt tiền 1. Việc hoàn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây: b) Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên.	Thay đổi thuật ngữ “<i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện</i>” thành “<i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản</i>” để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 77. Giảm, miễn tiền phạt 2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) ... b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên. 4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) ... b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác	Điều 77. Giảm, miễn tiền phạt 2. Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) ... b) Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên. 4. Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) ... b) Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên.	Tương tự như đối với điểm b khoản 1 Điều 76 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.		
Điều 80. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn 1. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.	Điều 80. Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn 1. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. Khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó. <i>Trường hợp giấy phép được cấp dưới dạng điện tử hoặc được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện tước trên môi trường điện tử theo quy định nếu đáp ứng được điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin. Việc tước quyền sử dụng được cập nhật trạng thái trên cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử theo đúng quy định, trừ trường hợp cơ sở dữ liệu đã được đồng bộ và tự động cập nhật trạng thái.</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng quy định thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn có thể được thực hiện trên môi trường điện tử và phải được đồng bộ với cơ sở dữ liệu hoặc căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử. Lý do: Quy định này nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, qua đó, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt và người thực thi công tác xử phạt, đồng thời, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
Điều 87. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế 1. Những người sau đây có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;	Điều 87. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế 1. <i>Thẩm quyền cưỡng chế thi hành quyết định trong xử phạt được xác định như sau:</i> <i>a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là cấp trưởng hoặc người đứng đầu cơ</i>	Tương tự như đối với Điều 37a đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
b) Trưởng đồn Công an, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động; c) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng; Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm; Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam; d) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực Thuộc trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm	<i>quan, đơn vị được quy định tại các điểm a, b, c, d, e, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 37a của Luật này và Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước có thẩm quyền cưỡng chế đối với quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của mình hoặc của cấp dưới ban hành;</i> <i>b) Người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành ra quyết định cưỡng chế hoặc báo cáo cấp trên của mình ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</i> 2. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.	

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; đ) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Cục trưởng Cục Kiểm lâm; e) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng, Cục trưởng Cục Kiểm ngư; g) Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế; h) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường; i) Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh quốc gia; k) Các chức danh quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 46 của Luật này; l) Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa; m) Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án quân sự khu vực, Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Chánh tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp cao; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành		

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
án cấp quân khu, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng; n) Kiểm toán trưởng; o) Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. 2. Người có thẩm quyền cưỡng chế quy định tại khoản 1 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó. Việc giao quyền được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác. 3. Người có thẩm quyền thuộc cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành quy định tại Điều 71 của Luật này ra quyết định cưỡng chế hoặc báo cáo cấp trên của mình ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.		
Điều 92. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 5. Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây: a) ... b) Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;	Điều 92. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 5. Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây: a) ... b) Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản trở lên;	Thay thế cụm từ “<i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện</i>” bằng cụm từ “<i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i>” tại điểm b khoản 5 để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 94. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: a) ... d) Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;	Điều 94. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: a) ... d) Người đang mang thai có chứng nhận của <i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i> trở lên;	Tương tự như đối với điểm b khoản 5 Điều 92 đã nêu.
Điều 96. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: a) ... b) Người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;	Điều 96. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau đây: a) ... b) Người đang mang thai có chứng nhận của <i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i> trở lên;	Tương tự như đối với điểm b khoản 5 Điều 92 đã nêu.
Điều 97. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn 2. Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.	Điều 97. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn 2. Trong trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng quy định tại Điều 90 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người đó.	Bỏ cụm từ “ <i>Công an cấp huyện hoặc</i> ”. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.
Điều 99. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật này được thực hiện như sau:	Điều 99. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng <i>1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với đối tượng quy định tại Điều 92 của Luật này được thực hiện như sau:</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 theo hướng Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, bao gồm những hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển đến, đồng thời, bãi bỏ quy định

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
a) Đối với người chưa thành niên vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan; b) Đối với người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ; c) Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này. 2. Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối	<i>a) Đối với người dưới 18 tuổi vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</i> <i>Hồ sơ đề nghị gồm có: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người vi phạm; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người dưới 18 tuổi đang học tập hoặc làm việc (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan;</i> <i>b) Đối với người dưới 18 tuổi vi phạm không có nơi cư trú ổn định thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</i> <i>Hồ sơ đề nghị gồm có: biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.</i> <i>2. Trường hợp người dưới 18 tuổi vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 của Luật này thì cơ quan, đơn vị đang thụ lý vụ việc, vụ án hoàn thiện hồ sơ vi phạm và chuyển cho Công an cấp xã có thẩm quyền để lập hồ sơ đề</i>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp huyện và cơ quan công an cấp tỉnh có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị như trước đây. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 quy định cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển hồ sơ vụ vi phạm đề cơ quan Công an cấp xã lập đề nghị, cơ quan Công an cấp xã phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ. 3. Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	<i>ngiht áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó. Trường hợp hồ sơ vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp xã đề nghị cơ quan, đơn vị đó bổ sung; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu bổ sung, Trưởng Công an cấp xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</i> <i>Hồ sơ đề nghị gồm có: Bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm, ý kiến của cha, mẹ hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.</i> <i>3. Cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này, Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, Công an cấp xã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</i>	
Điều 100. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	Điều 100. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng <i>1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, Trưởng Công an cấp xã quyết</i>	1. Sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyên, đề nghị Toà án nhân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng nhằm đơn giản hoá thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đồng thời, bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 99

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
xã gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99 của Luật này, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 99 của Luật này quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng có hành vi vi phạm để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. 2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm: a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật này; b) Văn bản của Trưởng công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem	<i>định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</i> <i>2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bao gồm:</i> a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại Điều 99 của Luật này; <i>b) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.</i> 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.	dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với việc sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại bộ máy cơ quan nhà nước, bao gồm việc tổ chức chính quyền địa phương, hệ thống Công an và cơ quan Thanh tra theo 02 cấp và tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân 03 cấp.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
xét áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.		
Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng quy định tại Điều 94 của Luật này được thực hiện như sau: a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan; b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp	Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc <i>1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng quy định tại Điều 94 của Luật này được thực hiện như sau:</i> <i>a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i> <i>Hồ sơ đề nghị gồm có: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ; các tài liệu khác có liên quan;</i> <i>b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Trưởng Công an cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i>	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 theo hướng Trưởng Công an cấp xã, Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, bao gồm những hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển đến, đồng thời, bãi bỏ quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp huyện và cơ quan công an cấp tỉnh có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị như trước đây. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 quy định cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển hồ sơ vụ vi phạm đề cơ quan Công an cấp xã lập đề nghị, cơ quan Công an cấp xã, Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ; c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này. 2. Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó. Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ. 3. Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết	<i>Hồ sơ đề nghị gồm có: biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.</i> <i>2. Trường hợp Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này thì hồ sơ bao gồm: hồ sơ cai nghiện bắt buộc hiện có; biên bản về hành vi vi phạm mới; văn bản của Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Trường Công an cấp xã đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i> <i>3. Trường hợp người vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật này thì cơ quan, đơn vị đang thụ lý vụ việc, vụ án hoàn thiện hồ sơ vi phạm và chuyển cho Công an cấp xã có thẩm quyền để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.</i> <i>Hồ sơ đề nghị gồm có: bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.</i> <i>4. Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị thuộc Công</i>	

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	<i>an cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều này và Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, Công an cấp xã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo</i>	
Điều 102. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này hoặc kể từ ngày Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng Công an cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp huyện quyết	Điều 102. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc <i>1. Trường hợp Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật này, Trưởng Công an cấp xã quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i> <i>2. Trường hợp Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc lập hồ sơ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản về hành vi vi phạm mới quy định tại khoản 3 Điều 118 của Luật này, Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi hồ sơ cho Trưởng Công an cấp xã nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.</i> <i>Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng Công an cấp xã quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì</i>	1. Sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Lý do: Nhằm đơn giản hoá thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đồng thời, bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 101 dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với việc sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại bộ máy cơ quan nhà nước, bao gồm việc tổ chức chính quyền địa phương, hệ thống Công an và cơ quan Thanh tra theo 02 cấp và tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân 03 cấp.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 101 của Luật này, Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 101 của Luật này quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm để quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. 2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc bao gồm: a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này; b) Văn bản của Trưởng Công an cấp huyện, Giám đốc Công an cấp tỉnh về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.	<i>Trưởng Công an cấp xã chuyển lại hồ sơ cho Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung hồ sơ là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ.</i> <i>Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng Công an cấp xã quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i> 3. Hồ sơ đề nghị <i>Tòa án nhân dân khu vực</i> xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc gồm có: a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc quy định tại Điều 101 và Điều 118 của Luật này; <i>b) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.</i> 4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.	
Điều 103. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người	Điều 103. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc <i>1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người</i>	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 theo hướng Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bao gồm những hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
nghiện ma túy quy định tại Điều 96 của Luật này được thực hiện như sau: a) Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; b) Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; c) Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 96 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó; d) Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan; đ) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này. 2. Cơ quan lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý	<i>nghiện ma túy quy định tại Điều 96 của Luật này được thực hiện như sau:</i> <i>a) Trường hợp người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;</i> <i>b) Trường hợp người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thì Trưởng Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;</i> <i>c) Trường hợp người nghiện ma túy do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 96 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan, đơn vị đang thụ lý vụ việc, vụ án hoàn thiện hồ sơ vi phạm và chuyển cho Công an cấp xã có thẩm quyền để lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đó theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này;</i> <i>d) Hồ sơ đề nghị quy định tại các điểm a, b và c khoản này gồm có: biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;</i> <i>đ) Trường hợp người nghiện ma túy tự đến Công an cấp xã để khai báo về tình trạng nghiện của mình và có đơn xin đi cai nghiện tại cơ sở</i>	an cấp tỉnh chuyển đến, đồng thời, bãi bỏ quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an cấp huyện và cơ quan công an cấp tỉnh có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị như trước đây. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 quy định cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh chuyển hồ sơ vụ vi phạm để cơ quan Công an cấp xã lập đề nghị, cơ quan Công an cấp xã phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
của hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	<i>cai nghiện bắt buộc thì hồ sơ đề nghị gồm có: đơn tự nguyện xin đi cai nghiện; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó; bản tường trình của người nghiện ma túy hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan.</i> <i>Tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người đó được thực hiện như sau: Nếu người đó có phiếu xác định tình trạng nghiện của cơ quan có thẩm quyền còn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp thì sử dụng phiếu này; nếu người đó không có phiếu xác định tình trạng nghiện hoặc có phiếu xác định tình trạng nghiện của cơ quan có thẩm quyền cấp đã quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp thì Công an cấp xã hướng dẫn họ thực hiện việc xác định tình trạng nghiện.</i> <i>2. Cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của tài liệu, hồ sơ đề nghị. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, Công an cấp xã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ về việc lập hồ sơ. Những người này có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</i>	

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 104. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ, Công an cấp tỉnh gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trưởng hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung hồ sơ; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. 2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm:	Điều 104. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật này, Trưởng Công an cấp xã quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. 2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm: a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 103 của Luật này; b) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng quy định lại trình tự, thủ tục chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Lý do: Nhằm đơn giản hoá thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đồng thời, bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 103 dự thảo Luật. Bên cạnh đó, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện và sau cai nghiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã được chuyển giao sang Bộ Công an. 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 theo hướng thay đổi tên gọi “<i>văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc</i>” thành “<i>văn bản của Trưởng Công an cấp xã về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.</i>” trong thành phần hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu. 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 104 theo hướng thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực”/”Tòa án nhân dân”. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “<i>các Tòa án nhân dân</i>”.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 103 của Luật này; b) Văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc đề nghị xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. 3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.		<i>tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực”.</i>
Điều 105. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Điều 105. Thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. <i>Tòa án nhân dân khu vực</i> có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 2. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “<i>các Tòa án nhân dân tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực</i>”.
Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người bị áp dụng, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan	Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người bị áp dụng, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường	Bỏ cụm từ “<i>hoặc cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị</i>”. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
hữu quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.	giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.	
Điều 110. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan nhận được quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại Điều 107 của Luật này có trách nhiệm tổ chức thi hành như sau: a) Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc; b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Điều 110. Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, <i>cơ quan Công an lập đề nghị</i> đưa người phải chấp hành quyết định vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng thay đổi tên gọi của cơ quan công an cấp huyện thành cơ quan công an. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung theo hướng bãi bỏ trách nhiệm thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Phòng Lao động – Thương binh – Xã hội (nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện và sau cai nghiện của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã được chuyển giao sang Bộ Công an). Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.
Điều 111. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây: a) Đang ốm nặng có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;	Điều 111. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc 1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây: a) Đang ốm nặng có chứng nhận của <i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i> trở lên;	Tương tự như đối với điểm b khoản 5 Điều 92 đã nêu.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
2. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây: a) Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên; b) ... c) Đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên. 3. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.	2. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây: a) Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của <i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i> trở lên; b) ... c) Đang mang thai có chứng nhận của <i>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản</i> trở lên. 3. Tòa án nhân dân nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị có ý kiến trước khi quyết định.	
Điều 112. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc 3. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường	Điều 112. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc 3. <i>Tòa án nhân dân khu vực</i> nơi có trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định việc giảm thời hạn tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, <i>Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc</i>. Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào	1. Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 3. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “<i>các Tòa án nhân dân tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực</i>”. 2. Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 3. Lý do: Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với tên gọi của người đứng đầu cơ sở cai nghiện bắt

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.	cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho Tòa án nhân dân nơi ra quyết định, cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người được tạm đình chỉ hoặc miễn và gia đình người đó.	buộc theo quy định pháp luật sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước.
Điều 113. Quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 2. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Điều 113. Quản lý người được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 2. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc mà người đó tiếp tục có hành vi vi phạm đã bị xử lý hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trong thời gian được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người đó tiếp tục sử dụng ma túy hoặc có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn thì Tòa án nhân dân đã ra quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. 3. Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt	1. Bỏ cụm từ “cùng cấp” tại khoản 3. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu. 2. Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “các <i>Tòa án nhân dân tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực</i>”.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
3. Quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho cơ quan Công an cùng cấp nơi Tòa án đã ra quyết định. Ngay sau khi nhận được quyết định, cơ quan Công an phải tổ chức áp giải đối tượng.	buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được gửi cho <i>cơ quan Công an</i> nơi Tòa án đã ra quyết định để tổ chức áp giải ngay đối tượng.	
Điều 114. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.	Điều 114. Hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính 2. Khi người vi phạm đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, <i>Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc</i> cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong và gửi bản sao cho gia đình người đó, <i>Tòa án nhân dân</i> nơi đã ra quyết định, cơ quan quản lý trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.	1. Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 2. Lý do: Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với tên gọi của người đứng đầu cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định pháp luật sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước. 2. Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “ <i>các Tòa án nhân dân tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực</i> ”.
Điều 115. Tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự 1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm	Điều 115. Tạm thời đưa người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra khỏi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự 1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, <i>Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc</i> quyết định tạm	Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 2. Lý do: Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với tên gọi của người đứng đầu cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định pháp luật sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước. 2. Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
thời đưa người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính ra khỏi nơi chấp hành biện pháp đó để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó.	thời đưa người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính ra khỏi nơi chấp hành biện pháp đó để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó.	
Điều 117. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.	Điều 117. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, thì theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc, <i>Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc</i> phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ của đối tượng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự; trường hợp bị Tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu hình phạt được áp dụng không phải là hình phạt tù thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.	Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 2. Lý do: Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với tên gọi của người đứng đầu cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định pháp luật sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước. 2. Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2.
Điều 118. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 3. ...	Điều 118. Xử lý trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 3. ...	1. Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 3. Lý do: Để bảo đảm thống nhất, phù hợp với tên gọi của người đứng đầu cơ sở cai nghiện bắt

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng có hành vi vi phạm trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc.	Trường cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối i đối tượng có hành vi vi phạm trên cơ sở hồ sơ hiện có và biên bản về hành vi vi phạm mới gửi Trưởng Công an cấp xã nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc.	buộc theo quy định pháp luật sau sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước. 2. Thay thế cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện” bằng cụm từ “Trưởng Công an cấp xã” tại khoản 3, tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.
Điều 123. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính 1. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này, thì những người sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; b) Trưởng Công an phường, Trưởng Công an xã, thị trấn đã tổ chức công an chính quy theo quy định của Luật Công an nhân dân; Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng trạm Công an cửa khẩu; c) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội,	Điều 123. Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính <i>1. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này, thì những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:</i> <i>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;</i> <i>b) Trưởng Công an cấp xã; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh hoặc chức danh tương đương thuộc lực lượng Công an nhân dân;</i> <i>c) Đồn trưởng, Chi huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm Phòng, chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh;</i> <i>d) Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng, Tư lệnh Vùng, Đoàn trưởng thuộc lực lượng Cảnh sát biển;</i> <i>đ) Hạt trưởng, Đội trưởng, Chi cục trưởng, Trạm trưởng thuộc cơ quan, đơn vị quản lý về lâm nghiệp, kiểm lâm, thủy sản, kiểm ngư;</i> <i>e) Đội trưởng Hải quan cửa khẩu; Đội trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội</i>	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 theo hướng quy định thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính của các cá nhân thuộc một số cơ quan, lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, thay vì liệt kê một số chức danh có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính như trước đây. Lý do: Ngoài lý do tương tự như đối với Điều 71 đã nêu, việc sửa đổi, bổ sung quy định này còn nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với Điều 37a dự thảo Luật và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử phạt vi phạm hành chính.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại; d) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên; đ) Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng; Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng, Cục trưởng Cục Kiểm ngư; e) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu;	<i>trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu;</i> <i>g) Đội trưởng thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;</i> <i>h) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.</i>	

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
g) Đội trưởng Đội quản lý thị trường; Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường; h) Đồn trưởng Đồn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; i) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy; k) Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa đã rời sân bay, bến cảng, nhà ga; l) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.		
Điều 125. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây: a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt. Trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì áp dụng quy định của khoản 3 Điều 60 của Luật này; b)...	Điều 125. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp thật cần thiết sau đây: a) <i>Để xác định vi phạm hành chính hoặc để làm rõ các tình tiết trong vụ việc vi phạm mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ lập biên bản vi phạm hành chính hoặc ra quyết định xử phạt, bao gồm cả trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định</i>	1. Sửa đổi, bổ sung các điểm a và c khoản 1 theo hướng quy linh hoạt hơn nhằm làm rõ trường hợp tạm giữ để định giá tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt cũng là một trong những biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất trong cách áp dụng trên thực tế và giữa các quy định tại Điều 60 và Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, thể hiện rõ việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
c) Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này. 2. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành. Trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này, sau khi nộp tiền phạt lần đầu thì người vi phạm được nhận lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ. 4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau: a) Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 9 Điều này; b) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản. Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.	<i>khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt theo quy định Điều 60 của Luật này;</i> b)... <i>c) Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.</i> 2. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này phải được chấm dứt ngay sau khi xác minh được tình tiết làm căn cứ quyết định xử phạt, hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội hoặc quyết định xử phạt được thi hành. Trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này, sau khi nộp tiền phạt lần đầu thì người vi phạm được nhận lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ. <i>Trường hợp chấm dứt việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu thì trả lại theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.</i> 4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và được thực hiện như sau: <i>a) Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 9 Điều này;</i> <i>b) Trường hợp người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì</i>	chứng chỉ hành nghề có thể được thực hiện trước khi lập biên bản vi phạm hành chính. Mở rộng trường hợp tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 theo hướng quy định cách thức xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi nhận được yêu cầu của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Lý do: Nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với quy định tại Điều 198c Luật Các tổ chức tín dụng (dự kiến được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng). 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 theo hướng giảm bớt các trường hợp phải lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép hành nghề theo thủ tục hành chính, thay vì trước đây tất cả mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép hành nghề theo thủ tục hành chính đều phải lập biên bản. Theo đó, trường hợp lập tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì chỉ lập biên bản tạm giữ. Lý do: Nhằm đơn giản hoá thủ tục xử phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người thực thi công tác xử phạt vi phạm hành chính trong thực tế. 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5a theo hướng quy định thêm các trường hợp không cần niêm phong khi thực hiện tạm giữ, bao gồm hàng siêu trường, siêu trọng theo quy định pháp luật;

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu dễ hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 5a. Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây: a) ... b) ...	<i>không phải lập biên bản tạm giữ. Biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp này phải thể hiện rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ;</i> c) Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản; d) Trường hợp không ra quyết định tạm giữ thì phải trả lại ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; đ) Đối với trường hợp tang vật là hàng hóa dễ hư hỏng thì người tạm giữ phải báo cáo ngay thủ trưởng trực tiếp để xử lý, nếu dễ hư hỏng hoặc thất thoát thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. 5a. Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây: a) ... b) ... <i>c) Hàng siêu trường, siêu trọng theo quy định pháp luật;</i> <i>d) Hàng hóa khác không thể niêm phong theo quy định pháp luật.</i>	hàng hóa khác không thể niêm phong theo quy định pháp luật. <i>Lý do:</i> Nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn hiện nay có một số loại tang vật, phương tiện không thể niêm phong như cát, thân cây gỗ lớn,...

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính 3. Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. 4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau: b) ...	Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính 3. Đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. 4. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau: b) ... c) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện, thì người có thẩm quyền tạm giữ báo cáo người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu để tổ chức bán ngay tang vật, phương tiện theo giá thị trường, nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc một trong các trường hợp sau đây: Tang vật vi phạm hành chính còn thời hạn sử dụng dưới 06 tháng tính từ thời điểm bị hết thời hạn	1. Thay thế cụm từ “<i>tạm gửi</i>” bằng cụm từ “<i>tạm giữ</i>” tại khoản 3 nhằm bảo đảm thống nhất thuật ngữ được sử dụng trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và thống nhất với điểm c khoản 4 Điều 126 dự thảo Luật. 2. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4: Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 125, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhằm mục đích bảo đảm phù hợp với Bộ luật Dân sự và thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn, điểm c khoản 4 Điều 125 được bổ sung theo hướng có thể bán ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ trong một số trường hợp như nếu có căn cứ cho rằng tang vật, phương tiện không xử lý ngay thì tang vật, phương tiện sẽ bị suy giảm về chất lượng, hư hỏng, không có điều kiện để bảo quản. Đồng thời, quy định số tiền sau khi bán ngay chỉ được gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước, trường hợp hết thời hạn mà không có ai đến nhận thì mới nộp vào ngân sách nhà nước quy định. Lý do: Góp phần rút ngắn thời gian, quy trình xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, khắc phục những bất cập kéo dài

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	<i>tạm giữ hoặc dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng nếu không được bảo quản theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có nguy cơ gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.</i> <i>Tiền thu được từ việc bán tang vật, phương tiện phải gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu hết thời hạn quy định tại điểm b khoản này mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp tang vật, phương tiện không đến nhận thì nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước.</i> <i>Chính phủ quy định chi tiết điểm này.</i>	xuất phát từ tình trạng “tồn đọng”, “quá tải” trong bảo quản, quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ thời gian qua, đồng thời, giúp tránh thất thoát, lãng phí, tạo điều kiện để “khơi thông nguồn lực” cho công tác quản lý nhà nước và phát triển đất nước. 3. Bổ sung điểm c quy định Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trường hợp cần thiết phải bán ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ. Lý do: Đây mạnh chủ trương thực hiện phân cấp, phân quyền, qua đó, phát huy vai trò thống nhất quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Chính phủ.
Điều 129. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính 2. Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này có quyền quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.	Điều 129. Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính 2. Những người được quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này có quyền quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; trong trường hợp nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân xem xét, quyết định.	Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân”. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu.
Điều 131. Quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính 2. Đối với người không có nơi cư trú ổn định hoặc có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình không đồng ý quản lý, việc quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục	Điều 131. Quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính 2. Đối với người không có nơi cư trú ổn định hoặc có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình không đồng ý quản lý, việc quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt	Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” bằng cụm từ “cơ quan Công an cấp xã tại điểm b khoản 2. Lý do: Tương tự như đối với Điều 71 đã nêu, bảo đảm thống nhất, phù hợp với các Điều 99, 100, 101 và 102 dự thảo Luật.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện như sau: a) ... b) Cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc cư trú hoặc có hành vi vi phạm tổ chức quản lý.	buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện như sau: a) ... b) Cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ giao cho <i>cơ quan Công an cấp xã</i> nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc cư trú hoặc có hành vi vi phạm tổ chức quản lý.	
Điều 132. Truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn 1. Trong trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào trường hoặc cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng. 2. Trong trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc và Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp với trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại trường hoặc cơ sở. 3. Trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này đủ 18 tuổi tại thời điểm truy tìm được, Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân	Điều 132. Truy tìm đối tượng đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong trường hợp bỏ trốn 1. Trong trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào trường hoặc cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng. 2. Trong trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng, Giám đốc cơ sở giáo dục bắt buộc và <i>Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc</i> ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp với trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại trường hoặc cơ sở. 3. Trường hợp người đã có quyết định đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này đủ 18 tuổi tại thời điểm truy tìm được, <i>cơ quan Công an cấp xã</i> nơi lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân	Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 3. Lý do: Sửa đổi để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức lại hệ thống Tòa án nhân dân theo Kết luận số 135-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về “<i>các Tòa án nhân dân tổ chức 03 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân khu vực</i>”.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng quy định tại khoản 2 Điều này đủ 18 tuổi tại thời điểm truy tìm được, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.	dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Trường hợp người đang chấp hành tại trường giáo dưỡng quy định tại khoản 2 Điều này đủ 18 tuổi tại thời điểm truy tìm được, Hiệu trưởng trường giáo dưỡng lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực nơi có trường giáo dưỡng xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nếu có đủ điều kiện thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.	
	Điều khoản chuyển tiếp 1. Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính đã được phát hiện và đang trong quá trình xem xét, xử lý mà cơ quan, chức danh có thẩm quyền đang xử lý vụ việc không còn tồn tại, thì cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục xử lý vụ việc hoặc chuyển đến người có thẩm quyền để xử lý theo quy định pháp luật. 2. Trường hợp vi phạm hành chính đã bị ra quyết định xử phạt, thì việc tổ chức thi hành, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính sẽ do cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục thực hiện hoặc chuyển đến người có thẩm quyền theo quy định pháp luật.	Bổ sung quy định về Điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm công tác xử lý vi phạm hành chính được hoạt động thông suốt, liên tục trong thực hiện quản lý nhà nước, không có “khoảng trống” pháp lý.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Thuyết minh
	3. Việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh được thực hiện như sau: a) Thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh, thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, phân định thẩm quyền tiếp tục được thực hiện theo nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại các điểm b khoản này; b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã thực hiện thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an cấp huyện theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế. 4. Thời hạn thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này là đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. 5. Căn cứ tình hình thực tế, Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định kéo dài thời gian thực hiện khoản 3 Điều này trước khi kết thúc thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này, nếu thấy cần thiết.	